

Số: 4271 /QĐ-UBND

Hiệp Hoà, ngày 06 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò Lai shind sinh sản bán chăn thả tại xã Đại Thành (nguồn vốn thuộc Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình MTQGGNBV giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 1676/VBHN-BLĐTBXH ngày 10/5/2023 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông Trung ương.*

*Căn cứ Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quy định một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm*

*nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Ban hành quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 02/HDLN-SLĐTB&XH-SKH&ĐT-SNN&PTNT-STC ngày 05/7/2023 của liên ngành: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện Dự án 2- Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và Tiểu Dự án 1- Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp của Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (đợt 2), tỉnh Bắc Giang;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch UBND xã Đại Thành tại Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 29/9/2023 về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò Lai shind sinh sản bán chần thả tại xã Đại Thành và Tổ thẩm định Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo tại Tờ trình số 433 /TTr-TTĐ ngày 04/10/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò Lai shind sinh sản bán chần thả tại xã Đại Thành (nguồn vốn thuộc Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023) với nội dung như sau:

**1. Tên dự án:** Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò Lai shind sinh sản bán chần thả tại xã Đại Thành.

**2. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân xã Đại Thành.

**3. Đại diện tổ (nhóm) cộng đồng:** Ông Ngô Thế Quân; Sinh ngày: 22/08/1982; Dân tộc: Kinh; địa chỉ: thôn Bảo Tân, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa; Số CCCD: 024082003406; Số điện thoại liên hệ: 0979845032.

**4. Thời gian triển khai:** Từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 9 năm 2025.

**5. Địa điểm, quy mô hiện dự án**

- **Địa điểm thực hiện:** Tại 03 thôn Bảo Tân, Đại Mão, Hà Nội trên địa bàn xã Đại Thành, huyện Hiệp Hoà.

- **Quy mô:** Tổng số 18 con bò cái Lai sind sinh sản; 01 con/hộ.

## **6. Đối tượng tham gia, hình thức thực hiện**

- **Đối tượng tham gia:** Tổng số thành viên tham gia thực hiện dự án: 23 hộ, trong đó có 04 hộ nghèo, 10 hộ cận nghèo, 04 hộ mới thoát nghèo và 05 hộ chăn nuôi giỏi (*có danh sách các hộ tham gia thực hiện dự án kèm theo*).

- **Hình thức thực hiện:** UBND xã trực tiếp thực hiện việc mua sắm (tổ chức các hoạt động đấu thầu đối với các nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước phải thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu) và bàn giao sản phẩm cho đại diện cộng đồng (hỗ trợ bò cái giống, tập huấn kỹ thuật thông qua hình thức ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng (Tổ trưởng)). Tổ trưởng sau khi nhận hỗ trợ bò cái giống có trách nhiệm chuyên giao cho các thành viên trong tổ để thực hiện chăn nuôi; Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho Tổ cộng đồng và một số thành viên có liên quan. Các hộ tham gia dự án có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát triển Dự án theo bản cam kết đã ký; sau mỗi kỳ chăn nuôi có trách nhiệm tái sản xuất mở rộng, số lượng bò con được sinh sản sau mỗi chu kỳ dự kiến bằng số lượng hỗ trợ ban đầu.

**7. Các hoạt động dự án:** (*Có phương án tổ chức các hoạt động kèm theo*).

## **8. Nguồn kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*). Trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ 300.000.000 đồng.
- Vốn đối ứng của các hộ tham gia dự án: 200.000.000 đồng.

(*Có biểu dự toán kinh phí kèm theo*)

## **9. Hình thức, mức quay vòng vốn**

Thu hồi, quay vòng vốn bằng tiền mặt; tỷ lệ thu hồi 5% theo Điều 4 Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang; thời gian thu hồi tối đa không quá 03 tháng sau khi kết thúc dự án.

## **10. Dự kiến hiệu quả của dự án**

Khi tham gia dự án các hộ chăn nuôi bò Lai sind sinh sản sau 02 năm nuôi với 18 con bò cái sinh sản sẽ cho ra 18 con bê con nuôi khoảng 8 -10 tháng tuổi có giá từ 13 - 15 triệu đồng/con số tiền bán bê giống ước đạt là 234 triệu đồng, bình quân mỗi hộ sẽ cho thu nhập 13 triệu đồng. Từ năm thứ 03 trở đi, mỗi hộ hàng năm cho thu nhập tăng thêm trung bình khoảng 13 triệu đồng.

Việc phát triển chăn nuôi bò sinh sản mang lại hiệu quả kinh tế cao và ít rủi ro. Ưu điểm là chi phí thức ăn thấp, bò ít khi bị bệnh, sản phẩm là giống bò dễ tiêu thụ góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và trở thành mô hình chủ lực để các hộ dân học tập, nhân rộng trên địa bàn xã.

**11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:** Thu hồi lại 100% vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ hộ dân tham gia dự án.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1. Giao UBND xã Đại Thành thông báo nội dung của dự án đã được phê**

duyet đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án; Ký hợp đồng với đại diện Tổ nhóm cộng đồng tổ chức thực hiện các nội dung dự án; Tổ chức thực hiện các hoạt động đấu thầu đối với các nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước phải thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu ; Bàn giao tài sản cho tổ nhóm cộng đồng để triển khai thực hiện dự án (theo mẫu số 01/TSC-BBGN Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công); Nghiệm thu kết quả, khối lượng, chất lượng công việc, đồng thời hướng dẫn, theo dõi triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung, tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đại diện Tổ nhóm cộng đồng; Giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện cụ thể của dự án, báo cáo về UBND huyện (qua Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội).

UBND xã Đại Thành có trách nhiệm tổ chức thu hồi, quay vòng nguồn vốn hỗ trợ đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

2. Giao Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện chủ trì, phối hợp, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

3. Giao Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đơn đốc, kiểm tra thực hiện đảm bảo đúng tiến độ dự án và việc chấp hành các quy định pháp luật của cộng đồng thực hiện dự án.

4. Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp huyện phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn xã, Tổ cộng đồng thực hiện các nội dung liên quan đến hoạt động của dự án.

5. Giao Tổ trưởng Tổ cộng đồng và các thành viên tổ chức triển khai thực hiện nội dung kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm theo Quyết định phê duyệt và Hợp đồng ký kết với UBND xã Đại Thành; Sử dụng con giống được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng mục đích, nội dung, dự toán tại Quyết định phê duyệt dự án; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự án theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động- Thương binh và Xã hội; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND xã Đại Thành, Tổ cộng đồng và các ông, bà có tên trong danh sách tham gia dự án tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Lao động-TB&XH;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVVX;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Nghị**

**DANH SÁCH CÁC HỘ THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN  
HỖ TRỢ CHĂN NUÔI BÒ LAI SINH SẢN BẢN CHĂN THẢ  
TẠI XÃ ĐẠI THÀNH**

*(Kèm theo Quyết định số 4271 /QĐ-UBND ngày 06 /10/2023  
của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hoà)*

TT	Tên thành viên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ	Thuộc đối tượng	Ghi chú
1	Ngô Thế Quân	22/08/1982	Kinh	Bảo Tân	Hộ chăn nuôi giỏi	Tổ trưởng
2	Trần Văn Phóng	01/9/1958	Kinh	Đại Mão	Hộ chăn nuôi giỏi	Tổ phó
3	Trần Văn Chinh	16/05/1959	Kinh	Đại Mão	Thoát nghèo	Thành viên
4	Nguyễn Cao Huyền	25/05/1969	Kinh	Hà Nội	Hộ nghèo	Thành viên
5	Lê Xuân Thúc	12/06/1966	Kinh	Hà Nội	Hộ nghèo	Thành viên
6	Ngô Văn Triển	01/01/1955	Kinh	Đại Mão	Hộ chăn nuôi giỏi	Thành viên
7	Ngô Văn Thuận	28/03/1960	Kinh	Đại Mão	Hộ cận nghèo	Thành viên
8	Ngô Văn Huyền	08/08/1980	Kinh	Đại Mão	Thoát nghèo	Thành viên
9	Ngô Văn Thịnh	24/01/1963	Kinh	Đại Mão	Hộ cận nghèo	Thành viên
10	Ngô Văn Thìn	10/05/1976	Kinh	Đại Mão	Thoát nghèo	Thành viên
11	Trần Văn Vui	08/10/1962	Kinh	Đại Mão	Hộ cận nghèo	Thành viên
12	Ngô Đức Thọ	11/04/1980	Kinh	Hà Nội	Hộ cận nghèo	Thành viên
13	Ngô Thị Hà	15/08/1966	Kinh	Hà Nội	Hộ chăn nuôi giỏi	Thành viên
14	Ngô Thế Chuân	17/11/1984	Kinh	Hà Nội	Thoát nghèo	Thành viên
15	Ngô Văn Bốn	20/10/1958	Kinh	Hà Nội	Hộ cận nghèo	Thành viên
16	Nguyễn Xuân Thủy	23/04/1985	Kinh	Hà Nội	Hộ chăn nuôi giỏi	Thành viên
17	Trần Văn Thuận	10/09/1979	Kinh	Bảo Tân	Hộ cận nghèo	Thành viên
18	Ngô Văn Trịnh	28/05/1982	Kinh	Bảo Tân	Hộ cận nghèo	Thành viên
19	Trần Văn Tam	16/08/1973	Kinh	Bảo Tân	Hộ nghèo	Thành viên
20	Trần Văn Thịnh	01/01/1970	Kinh	Bảo Tân	Hộ cận nghèo	Thành viên
21	Ngô Văn Kiểm	14/08/1986	Nùng	Bảo Tân	Thoát nghèo	Thành viên
22	Nguyễn Thị Hường	26/10/1952	Kinh	Bảo Tân	Hộ nghèo	Thành viên
23	Ngô Văn Phúc	11/05/1991	Kinh	Bảo Tân	Hộ cận nghèo	Thành viên

Tổng số thành viên tham gia thực hiện dự án: 23; trong đó có 04 hộ nghèo, 10 hộ cận nghèo, 04 hộ mới thoát nghèo và 05 hộ chăn nuôi giỏi.

**NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN  
HỖ TRỢ CHĂN NUÔI BÒ LAI SINH SẢN BÁN CHĂN THẢ  
TẠI XÃ ĐẠI THÀNH**

*(Kèm theo Quyết định số 4271 /QĐ-UBND ngày 06 /10/2023  
của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hoà)*

---

**1. Nhu cầu sản xuất sản phẩm của cộng đồng dân cư**

***1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn xã Đại Thành***

Xã Đại Thành nằm ở phía Tây huyện Hiệp Hoà. Diện tích tự nhiên 303,6 ha. Xã có 3 thôn: Hà Nội, Bảo Tân, Đại Mão. Tổng số: 1045 hộ với 4.658 nhân khẩu. Phía Đông giáp xã Quang Minh, phía Tây và Nam tiếp giáp xã Hợp Thịnh, phía Bắc giáp xã Tân Phú, huyện Phồ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Trên địa bàn xã có 02 trường học, 01 trạm y tế, 01 bưu điện văn hoá xã, 07 doanh nghiệp tư nhân, có 2km đường giao thông Tỉnh lộ 296 chạy qua. Đời sống kinh tế của người dân chủ yếu sản xuất nông nghiệp kết hợp với chăn nuôi là chính, nguyên nhân nghèo của các hộ dân chủ yếu là do thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật phát triển kinh tế, thiếu vốn sản xuất, trong khi đó bản thân các hộ nghèo đều có mong muốn được hỗ trợ về kỹ thuật, vốn để sản xuất kinh tế hộ, vươn lên thoát nghèo.

***1.2. Tổng quan về phát triển chăn nuôi trước khi thực hiện dự án***

Xã Đại Thành có đàn trâu, bò phát triển chậm, không ổn định và phụ thuộc nhiều yếu tố. Chưa áp dụng công nghệ lai tạo tại địa phương từ các giống trâu, bò có năng suất cao. Người chăn nuôi chưa thường xuyên áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi; việc thực hiện quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, xây dựng chuồng trại, vệ sinh thú y... còn có mặt hạn chế nên dịch bệnh dễ bùng phát, khó kiểm soát, kế hoạch tái đàn khó khăn.

Hiện tại phương thức chăn nuôi của các hộ dân chủ yếu là chăn thả, thức ăn chủ yếu tận dụng cỏ tự nhiên và phế phụ phẩm của nông nghiệp, chưa chủ động trong kế hoạch trồng và chế biến cây thức ăn gia súc nên hiệu quả kinh tế còn thấp, nhiều rủi ro vào mùa khô. Kiến thức về khoa học và công nghệ còn nhiều hạn chế, chăn nuôi theo kinh nghiệm, tự phát. Trong khi đó tiềm năng phát triển chăn nuôi gia súc và đàn bò của địa phương tương đối lớn do có quỹ đất đất nông nghiệp rộng, số lượng lao động nông nghiệp nhiều. Địa phương còn diện tích đất gò cao, các khu ven đê sông Cầu có thể trồng cây thức ăn thô xanh cho bò.

***1.3. Sự cần thiết xây dựng dự án***

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trong đó có Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Đại Thành năm 2023.

Để phát triển kinh tế theo hình thức hỗ trợ phát triển kinh tế cộng đồng mạng lại lợi ích kinh tế cao, thoát nghèo bền vững, tiếp tục nhân rộng mô hình phát triển sản xuất trong tương lai. Các hộ dân tham gia Dự án có khả năng đối

ứng vốn để tiếp tục phát triển sản xuất và thực hiện tỷ lệ thu hồi vốn (5%) để tiếp tục đầu tư cho các hộ dân khác trên địa bàn cùng làm kinh tế để vươn lên thoát nghèo. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy hoạch; ưu tiên phát triển chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học; chăn nuôi có gắn với tiêu thụ sản phẩm; chú trọng công tác giống, kiểm soát dịch bệnh.

## **2. Xác định mục tiêu của dự án**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Xây dựng mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò Lai shind sinh sản bán chăn thả tại xã Đại Thành phù hợp với điều kiện thế mạnh của địa phương, nhằm góp phần tạo thêm việc làm cho nông dân nghèo, chuyển dịch cơ cấu sản xuất. Đưa những giống vật nuôi có giá trị kinh tế cao vào sản xuất, từng bước hình thành và phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân để thoát nghèo bền vững.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Phát triển chăn nuôi bò shind sinh sản bán chăn thả tại xã Đại Thành theo kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với điều kiện canh tác của người dân, thân thiện với môi trường, đảm bảo tạo ra giá trị kinh tế, lợi ích cho các hộ dân tham gia dự án.

- Dự án tạo ra việc làm cho lao động các hộ gia đình tham gia thực hiện dự án và các lao động thời vụ tham gia hoạt động khai thác, mua bán, vận chuyển... đồng thời, các hộ dân tham gia thực hiện dự án có mức thu nhập tăng tối thiểu 30% từ việc chăn nuôi bò. Tỷ lệ hộ dân tham gia thực hiện dự án sau 02 năm tham gia dự án sẽ thoát nghèo là 100%. Dự án được mở rộng quy mô thêm 10% sau năm thứ 2 và duy trì phát triển, mở rộng thêm trong các năm tiếp theo.

- Các hộ tham gia dự án được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi.

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai thực hiện dự án, bổ sung kiến thức công tác giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

- Giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương.

## **3. Xác định các hoạt động của dự án**

- Năm 2023: Xây dựng dự án, lập dự toán kinh phí thực hiện dự án gửi UBND xã trình UBND huyện phê duyệt dự án. Tổ chức tập huấn chuyển giao, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân (kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng bò sinh sản); Tổ chức sản xuất; giám sát, nghiệm thu chuồng trại, tiếp nhận và cấp phát đủ số lượng bò sinh sản được nhà nước hỗ trợ cho các hộ dân tham gia thực hiện dự án; hoàn thiện hồ sơ, chứng từ, báo cáo tiến độ trình cơ quan chức năng nghiệm thu, quyết toán các hạng mục hỗ trợ.

- Năm 2024: Thường xuyên giám sát, hỗ trợ kỹ thuật, đôn đốc người dân tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng phòng chống dịch bệnh trên đàn bò sinh sản; tổ chức

tập huấn kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng qua các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của đàn bò.

- Năm 2025: Thực hiện chăm sóc nuôi dưỡng tiêu thụ bò con, thu hồi vốn theo quy định. Đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện mô hình cho cơ quan quản lý nhà nước; xem xét hiệu quả, mở rộng quy mô. Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn xã Đại Thành, hình thức quay vòng bằng tiền mặt với tỷ lệ thu hồi vốn là 5% vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp để thực hiện dự án.

#### **4. Xác định phương án huy động và sử dụng vốn**

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*). Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ 300.000.000 đồng (*trương ứng 60% tổng kinh phí dự án*); vốn đối ứng của các hộ tham gia dự án: 200.000.000 đồng (*trương ứng 40% tổng kinh phí dự án*).

##### **4.1. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 300.000.000 đồng;** Trong đó:

- Hỗ trợ chi phí mua con giống: 291.870.000 đồng.
- Hỗ trợ quản lý dự án: 6.180.000 đồng.
- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: 1.950.000 đồng.

##### **4.2. Đối ứng của các hộ gia đình tham gia dự án: 200.000.000 đồng;** Trong đó:

- Xây dựng chuồng trại: 50.760.000 đồng.
- Chi phí thức ăn chăn nuôi: 128.790.000 đồng.
- Chi phí vắc xin, thuốc thú y: 8.930.000 đồng.
- Chi phí phối giống: 5.400.000 đồng.
- Chi phí phân bón: 6.120.000 đồng.

#### **5. Xác định về doanh thu, chi phí, lợi nhuận**

Khi tham gia dự án hộ chăn nuôi bò Lai sinh sản sau 02 năm nuôi với 18 con bò cái sinh sản sẽ cho ra 18 con bê con nuôi khoảng 8 -10 tháng tuổi có giá từ 13 - 15 triệu đồng/con số tiền bán bê giống ước đạt là 234 triệu đồng, bình quân mỗi hộ sẽ cho thu nhập 13 triệu đồng. Từ năm thứ 03 trở đi, mỗi hộ hàng năm cho thu nhập tăng thêm trung bình khoảng 13 triệu đồng.

#### **6. Xác định hiệu quả của dự án**

**6.1. Hiệu quả về kinh tế:** Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò Lai sinh sản bán chăn thả tại xã Đại Thành tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình tham gia thực hiện dự án. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và trở thành mô hình chủ lực để các hộ dân học tập, nhân rộng trên địa bàn xã.

**6.2. Hiệu quả về môi trường:** Dự án áp dụng kỹ thuật phù hợp giúp hạn chế ô nhiễm môi trường, tạo được thu nhập cho người dân.



### ***6.3. Hiệu quả về xã hội***

- Tạo công ăn việc làm nâng cao thu nhập của người dân, góp phần giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội thực hiện thành công chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Qua thực hiện dự án 14 hộ sẽ thoát nghèo (4 hộ nghèo, 10 hộ cận nghèo), 4 hộ mới thoát nghèo có kinh tế ổn định, không tái nghèo.

- Xây dựng thành công dự án góp phần cải tạo việc làm nâng cao thu nhập cho các hộ dân, tăng sản phẩm cho xã hội, đời sống được cải thiện góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

---

**BIỂU DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN  
DỰ ÁN HỖ TRỢ CHĂN NUÔI BÒ LAI SINH SẢN BÁN CHĂN THẢ  
TẠI XÃ ĐẠI THÀNH**

(Kèm theo Quyết định số 4271 /QĐ-UBND ngày 06 /10/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hoà)

*DVT: đồng.*

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Năm 2023		Ghi chú
						NSNN	Đối ứng của hộ dân	
<b>1</b>	<b>Nhà nước hỗ trợ</b>					<b>300.000.000</b>		
<b>a</b>	<b>Hỗ trợ con giống</b>					<b>291.870.000</b>		
-	Bò cái giống sinh sản (tuổi từ 8-10 tháng, trọng lượng 145-155kg/con) x 18 con	kg	2.700	108.100	16.215.000	291.870.000		
<b>b</b>	<b>Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò sinh sản</b>					<b>1.950.000</b>		
-	Hỗ trợ cho giảng viên (1 ngày x 300.000 đồng/ngày)	ngày	1	300.000		300.000		
-	Chi tiền vở viết, bút, cặp đựng, phô tô tài liệu cho các hộ tham gia tập huấn, thành viên ban chỉ đạo	Bộ	30	55.000	1.650.000	1.650.000		
<b>c</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>					<b>6.180.000</b>		
-	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	Bộ	1	2.000.000		2.000.000		
-	Chi phí đánh giá HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Bộ	1	2.000.000		2.000.000		
-	Chi phí chứng thư thẩm định giá	Bộ	1	2.000.000		2.000.000		
-	Chi phí đăng tải HSMT			180.000		180.000		
<b>2</b>	<b>Đối ứng của hộ dân</b>						<b>200.000.000</b>	
<b>a</b>	<b>Phối giống</b>	Con	18	300.000	5.400.000		<b>5.400.000</b>	
<b>b</b>	<b>Chi phí phân bón trồng cỏ (Lân)</b>	kg					<b>6.120.000</b>	Bón 30kg/sào/2

								đợt/năm
	Năm 2024	kg	12 sào	8.500	3.060.000		3.060.000	
	Năm 2025	kg	12 sào	8.500	3.060.000		3.060.000	
<b>c</b>	<b>Thức ăn</b>						<b>128.790.000</b>	
	<b>Năm 2024</b>	<b>kg</b>	<b>540</b>				<b>77.760.000</b>	
-	Thức ăn cám gạo (0,5 kg/con/ngày.x 360 ngày)	kg	180	6.000	19.440.000		19.440.000	
-	Thức ăn bột ngô (1kg/con/ngày x 360 ngày)	kg	360	9.000	58.320.000		58.320.000	
	<b>Năm 2025</b>	<b>kg</b>	<b>405</b>				<b>51.030.000</b>	
-	Thức ăn cám gạo (1kg/con/ngày x 270 ngày)	kg	270	6.000	29.160.000		29.160.000	
-	Thức ăn bột ngô (0,5 kg/con/ngày x 270 ngày)	kg	135	9.000	21.870.000		21.870.000	
<b>d</b>	<b>Hỗ trợ thuốc thú y và vắc xin (phòng bệnh, chữa bệnh,.....)/năm</b>						<b>8.930.000</b>	
-	Vắc xin tụ huyết trùng trâu bò	lọ 10 liều	4	80.000	80.000		320.000	
-	Vắc xin lở mồm long móng trâu bò	lọ 10 liều	4	200.000	800.000		800.000	
-	Vắc xin Viêm da nổi cục trâu bò	lọ 10 liều	4	1.220.000	2.440.000		2.440.000	
-	Thuốc khử trùng (belkocid)	lít	36	132.500	4.470.000		4.470.000	
-	Muối trắng	kg	180	5.000	900.000		900.000	
<b>e</b>	<b>Xây dựng, sửa chữa chuồng trại</b>							
	Dự kiến quy mô chuồng nuôi 01 con/chuồng x 6m2/con/hộ) x 18 hộ	m2	108	470.000	50.760.000		<b>50.760.000</b>	
-	Cát	M <sup>3</sup>	36	210.000	7.560.000		7.560.000	
-	Xi măng	kg	7.200	1.350	9.720.000		9.720.000	
-	Ngói Proimang	Viên	216	60.000	12.960.000		12.960.000	
-	Công lao động	Công	36	400.000	14.400.000		14.400.000	
-	Đá xi măng	Viên	3.600	1.700	6.120.000		6.120.000	